**I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm**(12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | 41,0 |  |  | 11,0 |  |  |  |  | **3,5** |
| ***Các phép tính với phân số*** | 10,25 |  |  |  |  | 11,0 | 10,25 |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | 20,5 |  | 10,25 |  |  | 11,0 | 10,25 | 10,5 | **2,5** |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | 20,5 |  |  |  |  |  |  |  | **1,75** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | 20,5 | 10,5 |  |  |  |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 10,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** |  |  |  |  |  |  |  |  | **0,5** |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | 10,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** |  |  | 10,25 |  |  |  |  |  | **0,25** |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | 10,25 |  | 10,25 | 21,0 |  |  |  |  | **1,5** |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **14** | **2** | **4** | **3** |  | **2** | **2** | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Phân số**(14 tiết) | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:*** 1. Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.2. Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.3. Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.4. Nhận biết được số đối của một phân số.5. Nhận biết được hỗn số dương. | 4 TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***6. So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL |   |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***7. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.8.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). 9. Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.10. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |   |  | 1TL |    |
| ***Vận dụng cao:***11. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |   1TN 1TL |
| **2** | **Số thập phân**(10 tiết) | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:*** 12. Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 2TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***13. So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 2TN |  |  |
| ***Vận dụng:*** 14. Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.15.Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). 16. Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.17. Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.18. Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.19. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 1TL |  |
|  | ***Vận dụng cao:***20. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm |  |  |  |  1TN  |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**(18 tiết) | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** 21. Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.22. Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.23.Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.24.Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.25. Nhận biết được khái niệm tia. |  2TN |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** 26.Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 2TN+1TL |  |   |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:*** 27. Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). 28. Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).29.Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 1TN |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết:*** 30. Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng:***31. Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. |  |  |  |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Nhận biết:*** 32. Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***33. Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  1TN |  |  |
| ***Vận dụng:***34. Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:*** 35. Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:*** 36. Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  |  | 1TN |  |  |
| ***Vận dụng:***37. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:*** 38.Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu:*** 39. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 1TN+2TL |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:*** 40. Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |   |  |
| **Tổng** |  | 14 | 7 | 3 | 3 |
| **Tỉ lệ %** |  | 40% | 30% | 20% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** |  | 70% | 30% |

**III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN**

**ĐỀ SỐ 01 KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TOÁN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Câu 1:** **(NB-3)** Tổng sau bằng ? $\frac{-7}{9}$ + $\frac{2}{9}$

 **A.**$\frac{5}{9}$      **B.** $\frac{-9}{9}$      **C.**$\frac{-5}{9}$    **D.** 1

**Câu 2. (NB-12)** Cách viết khác của số thập phân **– 2,5** là:

**A.**$\frac{-2}{5}$ **B.**$\frac{25}{10}$ **C.**$\frac{2}{5}$ **D.**$\frac{-25}{10}$

**Câu 3:** **(TH-6)** Số nguyên x thỏa mãn$ \frac{x}{ 28}$ = $\frac{2}{8}$ là:

 **A. . B.. C. . D. .**

**Câu 4:** **(NB-12)** Số đối của số thập phân – 2023,2024 là :

 A. 2023,2024 B.2023 C. 2024 D.-(-20223).

**Câu 5:****(NB-2***)* Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{-3}{5}$ ?

 **A.** $\frac{6}{10}$ **B.**$\frac{-9}{10}$ **C.** $\frac{-6}{10}$ **D.**$\frac{9}{10}$

**Câu 6:****(NB-2***)* Chọn câu sai?

 **A. . B. . C. . D. .**

**Câu 7. (VDC-20)** Mẹ Hà gửi tiết kiệm 2 triệu đồng tại một ngân hàng theo thể thức “ có kì hạn 24 tháng” với lãi suất 0,52% một tháng ( tiền lãi mỗi tháng bằng 0,52% số tiền gửi ban đầu và sau 24 tháng mới được lấy lãi. Hỏi hết kì hạn 24 tháng , mẹ Hà lấy ra được bao nhiêu tiền lãi?.

**A.** 2249600 đồng **B**. 249600 đồng **C.** 2010400 đồng **D.** 2124000 đồng

**Câu 8:** **(NB-5)** Trong các số sau, số nào là hỗn số?

 **A. .** **B. .** **C. .** **D. .**

**Câu 9. (TH-13)** Sắp xếp các số thập phân sau **-5,9; 0,8; -7,3; 1,2; 3,41** theo thứ tự tăng dần, ta được:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** -5,9; -7,3; 0,8; 1,2; 3,41. | **B.** 3,41; 1,2; 0,8; -5,9; -7,3. |
|  **C.** -7,3; -5,9; 1,2; 3,41; 0,8. | **D.** -7,3; -5,9; 0,8; 1,2; 3,41. |

**Câu 10:** **(VDC-11)** Cho tổng sau: . Kết quả của tổng  là

 **A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 11: (NB-1)** Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

 **A**. $\frac{3}{5}$ **B.** $\frac{7}{0}$ **C.** $\frac{4}{2,5}$ **D.**  $\frac{1,25}{2,3}$

**Câu 12. (NB-21)** Khẳng định nào sau đây sai?

 **A.** Một điểm có thể thuộc đồng thời nhiều đường thẳng.

 **B.** Với một đường thẳng a cho trước, có những điểm thuộc a và có những điểm không thuộc a.

 **C.** Trên đường thẳng chỉ có một điểm.

 **D.** Một điểm có thể thuộc đồng thời hai đường thẳng.

**Câu 13. (NB-21)** Cho hình vẽ sau:

 

Chọn phát biểu sai:

A. Điểm Q không thuộc các đường thẳng b, c, và a

B. Điểm N nằm trên các đường thẳng b và c

C. Điểm P không nằm trên các đường thẳng c và a

D. Điểm M nằm trên các đường thẳng a và b

**Câu 14.** **(TH-33)** Số học sinh xếp loại Khá môn Toán của học sinh khối 6 trường THCS trong huyện được một cô giáo ghi lại trong bảng thống kê sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Số học sinh | 20 | 17 | 15 |

 Khối 6 có tất cả bao nhiêu học sinh xếp loại Khá?

  **A**.25 **B.**52  **C**.**37 D**.32

**Câu 15. (NB-26)** Điểm **M** là trung điểm của đoạn thẳng **AB** khi:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. M nằm giữa A, B và MA = MB.
2. MA = MB.
 | 1. M nằm giữa A và B.
2. MA = AB
 |

**Câu 16. (NB-26)** Đoạn thẳng CD dài 18cm. Gọi E là trung điểm của đoạn thẳng CD. Khi đó, đoạn thẳng ED dài:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 9cm. |  **B.** 9dm. |  **C.** 4,5cm. |  **D.** 4,5dm. |

**Câu 17.(NB-28)** Cho góc có số đo bằng 1800. Góc đó lag góc gì ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Vuông | B. Tù | C. Bẹt | D. Nhọn |

**Câu 18. (NB-38)** Khả năng mặt sấp xuất hiện khi tung đồng xu là bao nhiêu?

 **A.  B.  C.  D. **

**Câu 19. (TH-39)** Khả năng lấy được viên bi màu đỏ trong hộp kín đựng 3 viên bi (1 bi xanh, 1 bi vàng, 1 bi đỏ) là bao nhiêu?

    

**Câu 20. (NB-32)** Cho biểu đồ tranh số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Ngữ Văn trong tuần như sau**:**

**![[KNTT] Trắc nghiệm Toán 6 bài 39:</b> Bảng thống kê và biểu đồ tranh]()**

Dựa vào biểu đồ trên hãy cho biết, số điểm 10 nôm ngữ văn đạt được hôm thứ 6là bao nhiêu?

 **A** .2 **B .**4  **C.**8 **D.**5

**II. Tự luận ( 5 điểm)**

**Câu 1** *(2,0 điểm)*.

 a) **(VD-8)** Tính hợp lí : 

 b) **(TH-6)** So sánh hai phân số  và 

**Câu 2 (TH-39)** *(1,0 điểm)*Minh thực hiện tung đồng xu cân đối 150 lần thấy được 90 lần đồng sấp.

a. Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện đồng xu sấp.

b. Tínhxác suất thực nghiệm của các sự kiện đồng xu ngửa.

**Câu 3 (VD-19)***(1,0 điểm)* Khối 6 của một trường có tổng cộng 90 học sinh. Trong dịp tổng kết cuối năm thống kê được: Số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả khối, số học sinh khá bằng 40% số học sinh cả khối. Số học sinh trung bình bằng  số học sinh cả khối, còn lại là học sinh yếu. Tính số học sinh mỗi loại.

**Câu 4: (NB-26)** *(0,5 điểm)* Cho đoạn thẳng AB dài 8 cm. Trên đoạn thẳng AB lấy điểm M sao cho AM = 3 cm. Độ dài đoạn thẳng MB bằng bao nhiêu? Vì sao?

**Câu 5. (VDC-20)** *(0,5 điểm )*

Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp  số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau 1 năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 800 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

**\**

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM ĐỀ 01**

**Phần I. TRẮC NGHIỆM** *(5,0 điểm)*

Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |  | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | **C** |  | **11** | **A** |
| **2** | **D** |  | **12** | **C** |
| **3** | **A** |  | **13** | **B** |
| **4** | **A** |  | **14** | **B** |
| **5** | **C** |  | **15** | **A** |
| **6** | **C** |  | **16** | **A** |
| **7** | **B** |  | **17** | **C** |
| **8** | **C** |  | **18** | **C** |
| **9** | **D** |  | **19** | **D** |
| **10** | **A** |  | **20** | **D** |

**Phần I. TỰ LUẬN** *(5,0 điểm)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Câu** | **Hướng dẫn, tóm tắt lời giải** | **Điểm** |
| **Câu 1** |  | **(2,0điểm)** |
| **a)**(1,0 điểm) |  | 0,50,5 |
| **b)**(1,0 điểm) | $\frac{2}{3}$ = $\frac{2.4}{3.4}$ = $\frac{8}{12}$ ;$\frac{3}{4}$ = $\frac{3.3}{4.3}$ = $\frac{9}{12}$ | 0,50, 5 |
| Vì $\frac{8}{12}$ <$ \frac{9}{12}$ nên$ \frac{ 2}{3}$ < $\frac{3}{4}$ |
| **Câu 2** |  | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | a. Xác suất thực nghiệm của các sự kiện đồng xu sấp là: | 0,5 |
|  | b. Số lần xuất hiện đồng xu ngửa là: 150 – 90 = 60 lầnXác suất thực nghiệm của các sự kiện đồng xu ngửa là: | 0,250,25 |
| **Câu 3** |  | **(1,0điểm)** |
| 1,0 điểm | - Số học sinh giỏi của trường là: (học sinh) | 0, 25 |
| - Số học sinh khá của trường là: (học sinh | 0,25 |
| - Số học sinh trung bình của trường là: (học sinh) | 0,25 |
| - Số học sinh yếu của trường là:90 – (15 + 36 + 30) = 9 (học sinh) | 0,25 |
| **Câu 4** |  | **(0,5điểm)** |
| 0,5điểm |  | 0,5 |
| Điểm M nằm giữa hai điểm A và B ta có: Thay số: 3+ MB = 8 suy ra MB = 5 cm. Vậy 5 cm |
| **Câu 5** | Phân số biểu thị số tiền phải trả trong hai đợt đầu là: Phân số biểu thị số tiền phải trả trong đợt ba là:  | 0,25 |
| Do sốtiền mua căn hộbằng800 000 000 đồngVậysốtiền mua căn hộlà: 800 000 000:đồng | 0,25 |